

Cà Mau, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Số: 35 /BC-TTN

## BÁO CÁO

### Tình hình cung cấp nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện Thông báo số 16/TB-ĐGS ngày 31/7/2019 của Đoàn giám sát - Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thông báo kế hoạch thực hiện giám sát việc cung cấp nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Cà Mau xin báo cáo các nội dung chủ yếu theo đề cương của Đoàn giám sát, như sau:

#### I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

**1. Các chủ trương, quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh có liên quan về cung cấp nước sạch.**

- Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/08/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

- Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

- Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ: Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

- Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính về Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

- Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/NĐ-CP;

- Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

- Chỉ thị số 1118/CT-BNN-TCTL ngày 03/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc Tăng cường công tác quản lý, khai thác và vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn.

- Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

- Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/12/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn, thay thế Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## 2. Tình hình, kết quả đầu tư, cung cấp nước sạch cho các hộ dân trên địa bàn quản lý.

Thời gian qua, vấn đề cung cấp nước sinh hoạt nông thôn của tỉnh Cà Mau đã được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện, kết quả đến nay đã có hơn 92% số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó khoảng 60% sử dụng nước sạch, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế).

Để đạt được kết quả nêu trên, tỉnh Cà Mau đã thực hiện nhiều giải pháp (công trình và phi công trình) thông qua các nguồn lực thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch & VSMTNT, các tổ chức phi chính phủ, tài trợ từ Ngân hàng Thế giới (WB6), Trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương và nguồn đối ứng từ nhân dân... Tuy nhiên, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước từ công trình tập trung rất thấp so với số lượng công trình (có khoảng 18%), phần còn lại hầu hết sử dụng nước riêng lẻ qui mô hộ gia đình (74% giếng khoan hộ gia đình). Do những điều kiện về tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường..., hơn nữa, công trình cấp nước nông thôn có những đặc điểm khác với khu vực đô thị, trước hết là do địa hình phức tạp, người dân sống phân tán, thưa thớt, trình độ nhận thức còn thấp, không đồng đều; quy mô hệ thống công trình hiện hữu rất nhỏ. Vì vậy, vấn đề cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội và chưa đảm bảo an toàn trong tương lai.

### Tổng hợp dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn

TT	Địa điểm	Tổng số công trình	Công trình hoạt động hiệu quả		Công trình hoạt động trung bình		Công trình hoạt động kém hiệu quả		Công trình ngưng hoạt động	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Thành Phố Cà Mau	22	7	31,82	9	40,91	2	9,09	4	18,18
2	Huyện Thới Bình	25	2	8,00	10	40,00	4	16,00	9	36,00
3	Huyện U Minh	15	2	13,33	3	20,00	3	20,00	7	46,67
4	Huyện Trần Văn Thời	28	11	39,29	10	35,71	1	3,57	5	17,86
5	Huyện Cái Nước	27	13	48,15	11	40,74	1	3,70	2	7,41

6	Huyện Phú Tân	23	9	39,13	8	34,78	2	8,70	4	17,39
7	Huyện Đăk Dơi	31	5	16,13	16	51,61	4	12,90	6	19,35
8	Huyện Năm Căn	22	3	13,64	13	59,09	2	9,09	3	13,64
9	Huyện Ngọc Hiển	45	7	15,56	25	55,56	8	17,78	6	13,33
	<b>Cộng</b>	<b>238</b>	<b>59</b>	<b>24,79</b>	<b>105</b>	<b>44,12</b>	<b>27</b>	<b>11,34</b>	<b>46</b>	<b>19,33</b>

### 3. Tình hình sử dụng nước sạch sinh hoạt giai đoạn 2010 – 2019

TT	Năm	Tổng số hộ dân nông thôn (hộ)	Số hộ có nước sinh hoạt		Số hộ được cung cấp từ công trình tập trung (hộ)	Số hộ tự khoan giếng nước	Số hộ thiếu nước sinh hoạt (hộ)
			Số hộ	Đạt tỷ lệ			
1	2010						
2	2011						
3	2012						
4	2013	217.988	179.513	82,35%	22.701	170.537	38.475
5	2014	218.532	183.326	83,89%	23.601	174.159	35.206
6	2015	221.288	188.382	85,13%	29.493	175.195	32.906
7	2016	224.216	195.427	87,16%	33.393	175.884	28.789
8	2017	225.904	204.578	90,56%	37.532	173.891	21.326
9	2018	226.882	207.166	91,31%	37.600	173.436	19.716
10	2019	230.872	212.402	92,00%	38.232	174.170	18.470

**Ghi chú:** Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn được thực hiện theo Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nên không có số liệu từ năm 2012 trở về trước.

### 4. Những khu vực không khoan được nước ngầm mà chưa được cung cấp nước sinh hoạt

- Huyện Thới Bình: Các xã: Biển Bạch, Biển Bạch Đông (các hộ sống phân tán, thưa thớt);

- Huyện U Minh: Các xã: Khánh Thuận, Khánh An, Nguyễn Phích;

- Huyện Trần Văn Thời: xã Khánh Bình Tây Bắc, Trần Hợi, Khánh Bình Đông (các hộ sống phân tán, thưa thớt);

- Huyện Đăk Dơi: Các xã: Quách Phẩm Bắc, Tân Duyệt (các hộ sống phân tán, thưa thớt);

- Huyện Phú Tân: Xã Nguyễn Việt Khái (các hộ sống phân tán, thưa thớt);

- Huyện Năm Căn: xã Hiệp Tùng, Hàng Vịnh (các hộ sống phân tán, thưa thớt);

- Huyện Cái Nước: xã Đông Hưng (các hộ sống phân tán, thưa thớt)

## **5. Tình hình đời sống của các hộ dân thiếu nước sạch sinh hoạt**

Các khu vực không khoan được nước ngầm đã tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của người dân, đa số không chủ động được nguồn nước để sinh hoạt; Phần lớn các hộ gia đình khu vực này khó khăn về kinh tế, nhưng phải tự trang bị dụng cụ trữ nước mưa, mua nước tại chỗ hoặc đi mua nước từ nơi khác vận chuyển về để sinh hoạt, đồng thời phải mua nước đóng bình dùng cho ăn uống.

## **6. Nguyên nhân:**

Do đặc thù về địa chất, không khai thác được nước ngầm, nước mặt thì bị nhiễm phèn và mặn, mật độ dân cư sinh sống thưa thớt... nên việc đầu tư công trình cấp nước tập trung gặp rất nhiều khó khăn: tuyến ống dẫn nước dài, ít hộ sử dụng, thất thoát nước nhiều, suất đầu tư lớn... rất khó kêu gọi xã hội hóa.

Nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực cấp nước nông thôn rất hạn hẹp so với nhu cầu thực tế, việc kêu gọi xã hội hóa không đạt được kết quả (suất đầu tư cao, số hộ sử dụng ít nên doanh nghiệp không quan tâm đầu tư).

## **II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THỰC HIỆN QUY HOẠCH, TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**

### **1. Kết quả thực hiện quy hoạch hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.**

Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của tỉnh Cà Mau đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2075/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 đã được triển khai thực hiện, mặc dù đã đạt nhiều kết quả đáng kể, tuy nhiên, do nguồn lực hạn hẹp và các yếu tố tác động khác nên Quy hoạch nêu trên chưa đạt được mục tiêu đề ra. Cụ thể là: giai đoạn 2010 - 2015 đã xây dựng được 47 công trình cấp nước tập trung (quy hoạch 79 công trình). Tính đến hết năm 2015, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 85,13% (mục tiêu của quy hoạch đến năm 2015 là 90% và đến năm 2020 đạt 95%);

Do Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Cà Mau được xây dựng trong điều kiện dự tính các yếu tố phát triển từ năm 2010, đến năm 2015 đã có những thay đổi mạnh mẽ về điều kiện kinh tế xã hội, về biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán..., sự hình thành mới các tuyến dân cư, các cụm công nghiệp và các tuyến đường giao thông đã làm thay đổi lớn diện mạo nông thôn, nên Quy hoạch được phê duyệt năm 2010 không còn phù hợp với thực tiễn. Do vậy, ngày 18/11/2014 UBND tỉnh đã cho chủ trương thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Cà Mau đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1746/QĐ-UBND.

Tuy nhiên, trong quá trình rà soát, điều chỉnh quy hoạch thì Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2019, vì vậy, Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Cà Mau đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được tích hợp trong nội dung quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, hiện nay đã được đưa vào dự thảo nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **2. Việc triển khai chính sách khuyến khích đầu tư**

Đến thời điểm này, tỉnh Cà Mau chỉ mới áp dụng Nghị định 57/2018/NĐ-CP về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn do Chính phủ ban hành và Hội đồng nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Từ trước đến nay chưa có cơ chế, chính sách riêng để thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp cho các dự án nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những huyện, xã có điều kiện kinh tế khó khăn.

Mặc dù lĩnh vực nước sạch nông thôn nằm trong danh mục xã hội hóa của nhà nước, nhưng do dân cư nông thôn sống phân tán, thưa thớt, chi phí đầu tư cho nhà máy cấp nước là rất lớn, để thu hồi được nguồn vốn và có lãi, duy trì công trình hoạt động bền vững phải mất rất nhiều năm, dẫn tới các doanh nghiệp không “mặn mả” với các khu vực nông thôn, vùng khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội.

Vì vậy, cần đánh giá kỹ các mô hình quản lý, vận hành cấp nước hiện có, nêu lên những hạn chế, vướng mắc để có cái nhìn tổng thể, phù hợp, các chính sách khuyến khích đầu tư phải hết sức cụ thể, rõ ràng và hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp đầu tư các công trình cấp nước sạch và phải lan tỏa được trách nhiệm, nghĩa vụ của các cấp, các ngành, các địa phương và người dân đối với việc nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh.

## **III. KẾT QUẢ ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH CUNG CẤP NƯỚC SẠCH**

**1. Kết quả đầu tư công trình từ ngân sách nhà nước và công trình được xác lập quyền sở hữu nhà nước.**

*1.1. Tình hình, kết quả thực hiện đầu tư xây dựng các công trình nước sạch nông thôn:*

- Tổng số công trình cấp nước tập trung: 238 công trình.
- Tổng mức đầu tư: 288,428 tỷ đồng, trong đó:
  - + Vốn Chương trình MTQG nước sạch & VSMTNT (TW): 60,784 tỷ đồng
  - + Vốn Trung ương hỗ trợ khắc phục hạn hán: 81,705 tỷ đồng
  - + Vốn vay Ngân hàng thế giới (WB6): 105,336 tỷ đồng
  - + Vốn Ngân sách tỉnh: 40,598 tỷ đồng (chủ yếu là đối ứng cho DA WB6)

Riêng giai đoạn 2010-2019, đã xây dựng mới 64 công trình và nâng cấp, mở rộng đường ống 76 công trình.

*1.2. Quy trình khai thác, sản xuất và cung cấp nước đến người dân sử dụng:*

Tính đến thời điểm hiện nay, cấp nước nông thôn hình thành hai mô hình quản lý, sử dụng và vận hành, khai thác công trình:

a. Mô hình UBND cấp xã quản lý (xây dựng từ năm 1998-2013):

- Tổng số công trình: 221 công trình
- Tổng số hộ sử dụng: 22.642 hộ (Trung bình 100 hộ/ công trình), nhiều công trình có khoảng 30 hộ.

- Quy trình khai thác, sản xuất nước: Khoan giếng nước ngầm, qui mô công suất: 4 - 10m<sup>3</sup>/giờ, bơm trực tiếp lên tháp bằng thép hoặc bê tông cốt thép (giai đoạn 2008-2013), cao từ 5-12m, sau đó xả ra đường ống mạng phân phối, không qua hệ thống lọc nước, cung cấp đến các hộ dân sử dụng

- Phần lớn các công trình giao cho UBND cấp xã quản lý vận hành không được thực hiện duy tu, sửa chữa thường xuyên theo qui định; chất lượng nước nhiều công trình chưa đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT); doanh thu thấp, không đủ bù chi phí và thiếu sự quan tâm của đơn vị quản lý,... nên hiện nay có rất nhiều công trình đã và đang xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng.

b. Mô hình Trung tâm Nước sạch & VSMTNT đang quản lý (xây dựng từ năm 2014 đến nay):

- Tổng số công trình: 17 công trình

- Tổng số hộ sử dụng: 15.590 hộ (Trung bình 920 hộ/công trình), riêng công trình xã Tân Bằng - Biền Bạch, huyện Thới Bình có hơn 2.500 hộ.

- Quy trình khai thác và sản xuất nước: Qui mô công suất: 20 - 60m<sup>3</sup>/giờ, nước được khai thác từ giếng khoan, qua hệ thống lọc, xử lý nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt, trữ ở bể chứa, sau đó dùng bơm biến tần đẩy ra mạng phân phối, cung cấp nước đến các hộ dân sử dụng.

- Mô hình quản lý vận hành này thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, thường xuyên thực hiện duy tu, sửa chữa theo qui định, chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT); mô hình hoạt động ổn định, bền vững.

*1.3. Việc tổ chức thực hiện Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 54:*

- Trung tâm Nước đã rà soát, thống kê và lập hồ sơ công trình, kiến nghị UBND tỉnh xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với công trình thuộc trường hợp phải xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo qui định;

+ Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Đề án “Đổi mới quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn” tại Công văn số 2853/UBND-NN ngày 05 tháng 6 năm 2015; đồng thời, Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Trung tâm Nước sạch & VSMTN thành lập tổ xây dựng Đề án, trong quá trình thực hiện đã được ý kiến đóng góp của các Sở, ngành, địa phương và đã hoàn thiện trình cấp thẩm quyền phê duyệt, nhưng đến nay vẫn chưa có quyết định.

+ Việc lập hồ sơ công trình đã được thực hiện, nhưng chưa thực hiện việc xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với công trình thuộc trường hợp phải xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định.

- Công tác tổ chức bộ máy được giao quản lý, vận hành các công trình cung cấp nước sạch được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước và công trình được xác lập quyền sở hữu nhà nước:

+ Đối với mô hình do UBND cấp xã quản lý (221 công trình): được bàn giao sau khi công trình thi công hoàn thành đưa vào sử dụng (*Biên bản bàn giao sử dụng, không giao giá trị tài sản*)

+ Đối với mô hình do Trung tâm Nước sạch & VSMTNT quản lý (17 công trình), được UBND tỉnh tạm giao quản lý, khai thác công trình theo Công văn số 4617/UBND- KT ngày 05/9/2014.

- Việc áp giá nước đối với người sử dụng:

+ Đối với mô hình UBND cấp xã quản lý: phần lớn không áp dụng giá nước theo Quyết số 17/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau (tự thu khoảng 4.500 đồng/m<sup>3</sup>).

+ Đối với mô hình Trung tâm Nước sạch & VSMTNT quản lý: thực hiện theo Quyết số 17/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Công tác tuyên truyền về bảo đảm cấp nước an toàn và nâng cao nhận thức, trách nhiệm người dân đối với sử dụng tài nguyên nước: Đơn vị thường xuyên phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, chính quyền địa phương thông tin - Giáo dục - truyền thông, nhằm nâng cao nhận thức và hướng dẫn người dân về sử dụng, quản lý khai thác, bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn và bảo vệ nguồn nước, nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe.

## **2. Kết quả thực hiện khuyến khích đầu tư**

Từ trước đến nay các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân chưa tham gia thực hiện các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh, dịch vụ về nước sạch nông thôn, nên chưa đánh giá được hiệu quả đầu tư của các đơn vị này.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm, thuận lợi**

Cà Mau là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, nên tỉnh đã nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, đồng thời cũng đã tập trung nhiều nguồn lực để phát triển hệ thống cấp nước sạch nông thôn, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Các công trình dự án cấp nước được đầu tư đã mang lại hiệu quả rất đáng kể, đáp ứng cơ bản nhu cầu dùng nước của người dân nông thôn. Kết quả thực hiện đến nay đã có 92% số dân tập trung được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó 60% sử dụng nước đạt quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT. Từ đó, góp phần giải quyết giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận nguồn nước đạt chất lượng tốt, cải thiện chất lượng cuộc sống.

### **2. Khó khăn, hạn chế trong lĩnh vực cấp nước nông thôn:**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc cung cấp nước sạch nông thôn còn những hạn chế, khó khăn như sau:

- Mặc dù đến thời điểm hiện nay tỷ lệ được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 92%, nhưng trên thực tế tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước từ những

công trình cấp nước tập trung vẫn còn rất thấp (18%), tỷ lệ sử dụng nước từ giếng khoan nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình (74%) và phần còn lại là sử dụng các nguồn khác hoặc không có nước ngọt sinh hoạt (8%). Việc sử dụng giếng khoan nhỏ lẻ quá nhiều, không tập trung, gây khó khăn trong việc xử lý nước sạch đạt QCVN 02:2009/BYT, tầng nước dễ bị xâm nhập mặn và ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, phân thuốc bảo vệ thực vật và nuôi trồng thủy sản, mực nước sụt giảm đáng kể, khó khai thác.

- Rất ít công trình, dự án cấp nước quy mô lớn, đủ năng lực cung cấp nước sinh hoạt trên diện rộng và chủ động ứng phó thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp như hiện nay; hệ thống công trình hiện hữu chưa đảm bảo tính bền vững lâu dài, hầu hết đều có quy mô công suất rất nhỏ, số hộ hưởng lợi rất ít.

- Số lượng công trình hoạt động kém hiệu quả và ngưng hoạt động chiếm tỷ lệ khá lớn (30,67%) và số công trình hoạt động trung bình chiếm 44,12%, hiện đang có dấu hiệu xuống cấp đáng báo động và hư hỏng khá nhiều qua từng năm. Với hiện trạng hoạt động như vậy, rõ ràng khó cấp nước bền vững và an toàn.

- Không có nguồn nước mặt đảm bảo để cung cấp cho sinh hoạt, hầu như chỉ sử dụng nước ngầm nên hạn chế về lưu lượng cung cấp.

- Chưa kêu gọi được doanh nghiệp, các tổ chức, các cá nhân tham gia đầu tư và khai thác trong lĩnh vực nước sạch nông thôn.

- Hiệu quả quản lý, vận hành các hệ thống cấp nước tập trung còn bấp bênh, chưa chuyên nghiệp, thiếu tính bền vững. Nhiều công trình có quy mô rất nhỏ, manh mún, phân tán, khó khăn trong đảm bảo cân đối thu chi phục vụ công tác quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình.

- Chất lượng nước có sự khác biệt giữa các đơn vị cung cấp ở một số địa bàn khu vực nông thôn. Phần lớn các trạm lấy nước giếng khoan khi khai thác, chuyên trực tiếp lên đài nước cao 5-10m có bồn chứa, sau đó xả ra đường ống mạng phân phối cung cấp đến các hộ dân, nên chất lượng nước chưa đảm bảo, không xử lý được vi sinh, kim loại nặng và các tạp chất khác.

- Tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước ngày càng phức tạp, ảnh hưởng đến tính bền vững công trình và khó khăn trong đảm bảo chất lượng nước nhất là công trình quy mô nhỏ...

- Đời sống người dân khu vực nông thôn khó khăn, khả năng tham gia đóng góp của cho công tác nước sạch và vệ sinh môi trường còn hạn chế. Vì vậy, việc triển khai công tác cấp nước sạch tập trung còn nhiều thách thức. Thu nhập của các hộ dân hưởng lợi còn thấp, một bộ phận không có khả năng chi trả tiền sử dụng nước, tạo ra sự không công bằng, ảnh hưởng đến nguồn thu của cả hệ thống.

### **3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

- Các công trình cấp nước tập trung nông thôn nằm tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, đặc điểm địa hình phức tạp, song ngòi chằng chịt, dân cư sống tương đối thưa thớt, phân tán, hầu hết các công trình có quy mô nhỏ, nên việc sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung rất hạn chế.

- Chưa xác định được mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn (Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân...) phù hợp, nhằm nâng cao chất



lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân. Đảm bảo công trình hoạt động bền vững, an toàn.

- Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực cấp nước nông thôn rất hạn hẹp so với nhu cầu thực tế, do dân cư thưa thớt, suất đầu tư cao, doanh thu thấp, lợi nhuận thấp, chậm thu hồi vốn, hao hụt, thất thoát nhiều trong công tác quản lý vận hành, nên rất khó khăn để kêu gọi xã hội hóa, do đó việc đầu tư phát triển hệ thống cấp nước nông thôn thiếu đồng bộ, tính kết nối thấp.

- Không được bố trí nguồn vốn hàng năm để xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo công trình cũ thường xuyên, nên có rất nhiều công trình xuống cấp, hư hỏng, tăng dần theo từng năm, làm ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng nước của người dân và tỷ lệ sử dụng nước sinh hoạt bị sụt giảm đáng kể.

- Do có quá nhiều giếng khoan nhỏ lẻ của hộ gia đình là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, làm cho nguồn nước ngầm bị sụt giảm và nhiễm mặn, gây khó khăn trong việc xử lý nước sạch đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT.

- Công tác quy hoạch, xây dựng trong lĩnh vực nước sạch nông thôn còn nhiều bất cập, chưa sát với điều kiện, tình hình thực tế.

- Ý thức bảo vệ cơ sở hạ tầng trong cộng đồng còn yếu kém. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương và một bộ phận người dân chưa đúng, chưa đủ về các chính sách hiện hành trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình, đặc biệt là chính sách giá nước.

## **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Từ nhiều năm qua, lĩnh vực cung cấp nước sạch nông thôn đã nhận được sự quan tâm rất lớn của Đảng, Nhà nước, các Bộ ngành, địa phương và người dân. Thực tế nhận thấy rằng, nhu cầu về sử dụng nước sạch của người dân ngày càng cao, việc cung cấp đầy đủ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch là vấn đề lớn, có ý nghĩa rất quan trọng đến đời sống của người dân nông thôn. Tuy nhiên, với thực trạng nêu trên, việc cấp nước sạch nông thôn hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội và chưa đảm bảo cấp nước an toàn trong tương lai. Vì vậy đề xuất, kiến nghị:

### **1. Kiến nghị Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương:**

- Sớm triển khai dự án dẫn nước mặt từ Sông Hậu về các tỉnh ven biển và bán đảo Cà mau, để cung cấp nước sinh hoạt cho người dân và từng bước thay thế nguồn nước ngầm, giảm nguy cơ cạn kiệt tài nguyên nước hạn và nguy cơ sụt lún đất.

- Xem xét và tạo điều kiện cho tỉnh Cà Mau tiếp cận các nguồn vốn tài trợ, vốn vay ưu đãi của nước, hoặc các nguồn khác để thực hiện các dự án cấp nước sạch trọng điểm trên địa bàn tỉnh, khu vực khan hiếm nước, góp phần đem lại hiệu quả tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

### **2. Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, Ngành:**

Để đạt được mục tiêu, đến năm 2030 có 100% hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó khoảng 70% được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn, tỉnh Cà Mau cần tập trung nhiều nguồn lực và giải pháp để thực hiện:

- Sớm quyết định mô hình quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước tập trung nông thôn (Giao cụ thể cho tổ chức, cá nhân) để chuyên nghiệp hóa lĩnh vực này;

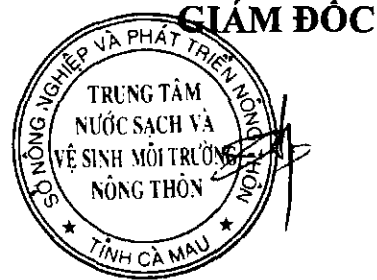
- Xem xét, bố trí nguồn vốn để thực hiện sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, đầu nối hòa mạng các công trình cấp nước đang xuống cấp, hư hỏng, có qui mô công suất nhỏ, phân tán... nhằm giữ vững tỉ lệ dân nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh.

- Hỗ trợ thực hiện các biện pháp cung cấp nước cho các hộ sống phân tán (8%, tương đương 18.500 hộ), chưa tiếp cận được nguồn nước từ công trình tập trung.

Trung tâm Nước sạch & VSMTNT xin Báo cáo Thường trực HĐND tỉnh theo đề cương thực hiện giám sát việc cung cấp nước sạch sinh hoạt giai đoạn 2010-2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh Cà Mau;
- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- Lưu VT.



**Nguyễn Hạnh Phúc**